

Bản án số: **57/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 - 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**

2. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST- HNGĐ ngày 25/3/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST – HNGĐ ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Hồng D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **Ngô Hoàng D1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 5, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị D (chị D có đơn xin vắng mặt), anh D1 triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng D thể hiện:

Chị và anh Ngô Hoàng D1 tự tìm hiểu yêu thương rồi sống chung với nhau vào năm 2010. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Ấp 5, xã PL, huyện TP. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D1 không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh D1 không thay đổi vì vậy vợ chồng thường cãi vã nhau dẫn đến

cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2017, chị về nhà bố mẹ đẻ tại Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thành, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh sinh sống đến nay, trong thời gian không sống chung chị và anh D1 không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm với anh D1 không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Hoàng D1.

Về con chung: Chị và anh D1 có 01 (một) con chung là Ngô Đoàn Cát T, sinh ngày 26/9/2011. Hiện tại, con chung do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh D1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh D1 không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân, sổ hộ khẩu của chị D (Bản photo, đã đối chiếu bản chính); Giấy khai sinh của con (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, việc đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị D được ly hôn anh D1.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Ngô Đoàn Cát T, sinh ngày 26/9/2011 cho chị D nuôi dưỡng và không xem mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì không có lời khai của anh D1 nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Chị D khai báo không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh D1 nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Điều luật áp dụng: Điều 18, 85, 86, 88, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 205 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt do chị có đơn xin vắng mặt, anh D1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh D1 có địa chỉ tại Ấp 5, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị D yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 08/3/2021, chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D1. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị D là nguyên đơn, anh D1 là bị đơn trong vụ án.

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị Hồng D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Ngô Hoàng D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh D1 được xác lập vào năm 2011. Được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BĐ, tỉnh BT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2011. Chị D có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị D và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và không đồng lòng chung sức chăm lo cho gia đình. Nay chị D nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh D1.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, chị D và anh D1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự.

Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị D không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh D1 vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Do anh D1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của anh D1.

Như vậy, có căn cứ xác định anh D1, chị D đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh chị sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị được ly hôn với anh D1.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D khai báo có 01 (một) con chung là Ngô Đoàn Cát T, sinh ngày 26/9/2011.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị D: Con chung hiện do chị D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh D1 không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh D1 đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Do con chung còn nhỏ và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị D điều này phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị D không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D1 về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Hồng D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hồng D được ly hôn anh Ngô Hoàng D1.

- Về con chung: Chị D và anh D1 có 01 con chung là Ngô Đoàn Cát T, sinh ngày 26/9/2011.

Giao con chung là Ngô Đoàn Cát T cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh Ngô Hoàng D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đoàn Thị Hồng D không yêu cầu. Anh D1 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét do chị D không yêu cầu. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004074 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Hồng D và anh Ngô Hoàng D1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã BT, huyện BD, tỉnh BT (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 14-2011, ngày 14/02/2011);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

